

CHƯƠNG TRÌNH “THÁNG TÌM HIỂU VIỆT NAM TRONG TPP”

SEMINAR CHUYÊN ĐỀ 1

TÁC ĐỘNG CỦA TPP ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

Người trình bày: **TS. Nguyễn Văn Sơn**¹

Ngày: 03/03/2016

TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Vấn đề được đặt ra là, để vượt qua tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội toàn diện vào cuối thập niên 1980s do những hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, Việt Nam đã tiến hành “*đổi mới*” và bắt đầu mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế từ những năm đầu thập niên 1990s. Từ đó, tiến trình hội nhập đã phát triển vô cùng sâu rộng và đạt đến cấp độ hội nhập toàn cầu khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO vào tháng 01/2007. Gần đây, sự kiện tham gia ký kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) vào đầu tháng 02/2016 cũng được coi là một cột mốc rất quan trọng trong quá trình phát triển của Việt Nam. Vậy, TPP có tầm quan trọng như thế nào? Nội dung của nó có những khác biệt gì so với các định chế hội nhập kinh tế quốc tế trước đây? Và quá trình hội nhập TPP sẽ có những tác động gì đến chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới? Để giải đáp vấn đề, TS. Nguyễn Văn Sơn đã trình bày khái quát về chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam, những nội dung quan trọng của hiệp định TPP và đánh giá tác động của TPP đến chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam.

Đầu tiên, TS. Sơn giới thiệu về lịch sử phát triển kinh tế từ những năm 1980s và chiến lược phát triển kinh tế hiện nay của Việt Nam. Cuối năm 1980, Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế toàn diện. Do đó, giai đoạn 1991 – 2000 được chính phủ xác định tập trung phục hồi và đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng. 2001 – 2020 là giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa để cất cánh nền kinh tế với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp mới vào năm 2020. Tầm nhìn đến 2035, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia có thu

¹ Khoa Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Mở TPHCM

nhập trung bình cao (dao động trong khoảng từ 4.086 – 12.615 \$US/người/năm theo tiêu chuẩn phân loại của Ngân hàng thế giới). Chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam về bản chất là chiến lược hướng về xuất khẩu, trong đó ưu tiên tích lũy nội địa để tiến hành công nghiệp hóa, nâng cao trình độ sản xuất của nền kinh tế. Bên cạnh phát huy nội lực, Việt Nam tăng cường thu hút các nguồn lực quốc tế để thúc đẩy tốc độ công nghiệp hóa. Trên cơ sở chiến lược phát triển này, các chỉ tiêu kinh tế cơ bản được đặt ra là GDP bình quân đầu người đạt 3.000USD vào năm 2020 và trên dưới 6.000USD vào năm 2035 (qui ra hơn 22.000USD theo tỷ giá PPP); cơ cấu ngành kinh tế với công nghiệp và dịch vụ khoảng trên 85% trong GDP, nông nghiệp dưới 15% vào năm 2020 và đến 2035 thì cơ cấu này là khoảng 90%:10%. TS. Sơn lưu ý rằng, tuy tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm nhưng vẫn sẽ tăng mạnh mẽ về chất và giá trị tuyệt đối. Điểm nhấn cho chiến lược hướng về xuất khẩu là Việt Nam tìm cách chuyển đổi cơ cấu hàng xuất khẩu dựa trên lợi thế so sánh của nền kinh tế với mục tiêu đưa tỷ trọng hàng tinh chế trong giá trị xuất khẩu lên hơn 80% vào năm 2020, và trên 95% sau năm 2025, trong đó hàng công nghệ cao là từ 40% - 45% trong năm 2020 và trên 50% sau năm 2025. Để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu vừa nêu, các chính sách cơ bản của chiến lược này là: (1) Phát triển cơ sở hạ tầng kết hợp đồng bộ với vấn đề đô thị hóa vì ước tính đến 65% dân số sẽ sinh sống tại khu vực đô thị và các khu công nghiệp, lao động trong khu vực nông nghiệp sẽ giảm dần; (2) Phát triển đầy đủ các nhánh thị trường và đồng bộ hóa cơ chế quản lý thị trường, trong đó nhấn mạnh đến sự phát triển của các thị trường tài chính (kể cả thị trường tài chính phái sinh), thị trường bất động sản, thị trường công nghệ và thị trường lao động để thu hút vốn đầu tư nước ngoài; (3) Nâng cao năng suất lao động tổng hợp trên cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực tư nhân và tăng cường thương mại hóa ngành nông nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam có nhiều sản phẩm đặc hữu của khu vực nhiệt đới nên có khả năng tìm kiếm thị trường ở các khu vực ôn đới và hàn đới, nhưng hiện vẫn còn xa những chuẩn mực về chất lượng và quy tắc xuất xứ ở các nước nhập khẩu nên sẽ chưa tận dụng được các lợi ích từ TPP; (4) Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế trên tất cả các cấp độ song phương, khu vực và toàn cầu; (5) Cải cách thể chế và chống tham nhũng để không ngừng nâng trình độ quản lý của bộ máy nhà nước. Một bộ máy hành chính công tốt là đòi hỏi quan trọng để thu hút vốn đầu tư vào trong nước khi hội nhập nền kinh tế quốc tế. TS. Sơn chia sẻ thêm, những người trẻ khi tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội nếu không tiếp tay cho tham nhũng thì tham nhũng sẽ bị diệt nhanh hơn; (6) Đảm bảo phát triển bền vững, chú trọng thỏa đáng các mặt bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội. Điều này đã được Liên Hợp Quốc quan tâm từ những năm đầu thập niên 1990 và

ngày càng được chú trọng hơn trong thời gian gần đây, sẽ được lồng ghép vào các chính sách của nhà nước.



Hình 1: TS.Nguyễn Văn Sơn trình bày tham luận

Phần trình bày tiếp theo sơ lược về quá trình hình thành TPP. Quá trình đàm phán TPP kéo dài từ tháng 11/2002, bên lề hội nghị APEC với 03 quốc gia, đến tháng 10/2015 hoàn thành đàm phán với 12 quốc gia². Hiệp định được ký kết vào ngày 04/2/2016 và dự kiến có hiệu lực từ đầu năm 2018. So với toàn cầu, 12 quốc gia này chiếm 21,7% diện tích lãnh thổ, 11% dân số, 36% GDP và 23% giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ. TPP được coi là hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới của thế kỷ XXI. Theo nội dung trình bày, các FTA được chia thành 3 thế hệ: FTAs thế hệ thứ nhất nhấn mạnh đến tự do hóa thương mại hàng hóa, giảm thuế quan, loại bỏ các hàng rào phi thuế quan trên thị trường hàng hóa; FTAs thế hệ thứ hai quan tâm đồng thời đến thị trường dịch vụ bên cạnh thị trường hàng hóa; FTAs thế hệ thứ ba không chỉ quan tâm đến tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ mà bao gồm tự do hóa tài chính và đầu tư. Hiệp định TPP bao gồm cả tự do hóa về thương mại, tài chính và đầu tư của 3 thế hệ FTAs trước đó và mở ra thêm nhiều nội dung mới khác nên được coi là FTA thế hệ mới. Các nội dung được mở

² Tên các quốc gia được liệt kê theo thứ tự ABC: Australia (Úc), Brunei, Canada, Chile, Nhật, Malaysia, Mexico, Mỹ, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam.

rộng bao gồm: minh bạch hóa chính sách, thể chế, quan hệ lao động, quản lý môi trường, kinh tế kỹ thuật số, vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa,... Năm đặc điểm cơ bản của hiệp định TPP là: 1/ Tạo nền tảng các quy tắc cho hội nhập khu vực; 2/ Tiếp cận mang tính khu vực để đưa ra các cam kết; 3/ Tiếp cận thị trường một cách toàn diện; 4/ Bao hàm toàn bộ các yếu tố liên quan đến thương mại; và 5/ Giải quyết các thách thức mới đối với thương mại. Điểm khác biệt quan trọng giữa TPP và các hiệp định khác là các văn bản thỏa thuận trước đây thường quy định những điều được cho phép giữa các bên, ngược lại TPP chỉ ra những danh mục miễn trừ và tất cả các vấn đề khác đều được cho phép.

Hiệp định TPP gồm có phần mở đầu và 30 chương. Một số nội dung quan trọng của hiệp định TPP được TS. Sơn nhấn mạnh là: TPP quy định mở cửa thị trường rộng hơn quy định trong WTO, chẳng hạn: xóa bỏ ít nhất 90% thuế quan trên hàng công nghiệp với lộ trình nhanh chóng, riêng thuế nhập khẩu hàng dệt may sẽ xóa bỏ toàn bộ. Đối với hàng nông nghiệp, kết hợp cắt giảm thuế quan với đồng bộ hóa chính sách giữa các thành viên để gia tăng thương mại nông sản mà vẫn đảm bảo an ninh lương thực cần thiết cho các nước. Những quy định này mở ra cơ hội lớn đối với ngành dệt may và nông sản Việt Nam; Thống nhất quy tắc xuất xứ hàng hóa toàn khối TPP; Các biện pháp phi thuế quan đều cởi mở hơn trong WTO. Đặc biệt là quy định cho phép công chúng góp ý vào một số chuẩn mực kỹ thuật có liên quan; Quy định về thương mại dịch vụ qua biên giới cũng thuận lợi hơn trong WTO theo nguyên tắc mở cửa hoàn toàn; Dịch vụ tài chính cởi mở đến mức cho phép nhà cung cấp từ một nước thành viên bán dịch vụ sang các nước thành viên khác mà không cần phải thiết lập cơ sở kinh doanh tại các nước đó. Điều này sẽ thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận các nguồn tài chính khi tham gia vào thị trường thế giới; Mở cửa thị trường hoàn toàn về đầu tư, ngoại trừ một “danh mục miễn trừ”. Ngoài các quy chế tối huệ quốc và đối xử quốc gia, TPP còn áp dụng “tiêu chuẩn đối xử tối thiểu” trong quản lý đầu tư. Tiêu chuẩn này còn cởi mở hơn cấp quy chế không phân biệt đối xử là quy chế tối huệ quốc (MFN) và nguyên tắc đối xử quốc gia (NT); TPP là FTA đầu tiên đề cao vai trò của kinh tế kỹ thuật số thông qua các qui định kết nối thuận lợi hóa hoạt động viễn thông và thương mại điện tử. Trước đây, APEC đã đồng thuận là các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Canada, Úc, New Zealand sẽ hỗ trợ các nước thành viên phát triển thương mại điện tử nhưng thực tế triển khai còn khá chậm. Khi TPP có hiệu lực, chúng ta có thể kỳ vọng việc kết nối thương mại điện tử giữa 12 quốc gia thành viên sẽ giúp thúc đẩy thương mại điện tử tại Việt Nam nhanh chóng hơn; Vấn đề đồng bộ hóa chính sách cạnh tranh, bao hàm các lĩnh vực mua sắm của chính phủ,

sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ, sẽ tạo thuận lợi cho các thành phần này tham gia sâu và chủ động hơn vào chuỗi cung ứng toàn khối TPP, nhờ đó sẽ tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng toàn cầu và đạt được giá trị gia tăng cao hơn. Thông thường khi mua sắm cho khu vực chính phủ, các quốc gia đều muốn ưu tiên cho các nguồn cung nội địa, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước. Những quy định này sẽ bắt buộc các doanh nghiệp nhà nước phải tham gia cạnh tranh một cách bình đẳng với các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước; TPP cũng quy định thiết lập các cơ chế đảm bảo hỗ trợ tốt cho các thành viên đang phát triển thông qua việc lập ra các ủy ban. Trong đó, ủy ban về thực thi kết nối môi trường chính sách giữa 12 quốc gia thành viên sẽ tạo sức ép bắt buộc các bộ máy nhà nước của mỗi quốc gia phải thay đổi thể chế chính sách nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu hội nhập; Các thành viên TPP phải thực thi đầy đủ qui định về quan hệ lao động của Tổ chức lao động quốc tế ILO. Đồng thời, TPP cho phép sự tham gia của công chúng vào việc thực thi các qui định của chương lao động; TPP cũng quy định các thành viên phối hợp chặt chẽ mọi vấn đề bảo vệ môi trường và tạo điều kiện cho công chúng tham gia đóng góp vào việc thực thi các qui định của chương môi trường. Điều này sẽ hỗ trợ thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển bền vững; TPP rất chú trọng thúc đẩy việc minh bạch hóa chính sách và chống tham nhũng, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm và sản phẩm y tế. Quy định này sẽ hỗ trợ cho việc chống tham nhũng trong nước, loại bỏ các trường hợp hối lộ để dành được hợp đồng của một số doanh nghiệp, tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Về giải quyết tranh chấp, các quốc gia trước tiên phải áp dụng tham vấn hoặc có thể sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp khác nếu phù hợp. Nhưng TPP cũng cho phép trả đũa thương mại để bảo vệ lợi ích chính đáng khi cần thiết. Quy định này cũng tương tự như quy định tại WTO, rất cởi mở để các quốc gia xử lý các vấn đề tranh chấp một cách êm đẹp nhưng vẫn có thể bảo vệ lợi ích chính đáng của mình; Tương tự hệ thống GATT/WTO, TPP cho phép áp dụng các ngoại lệ để các thành viên có thể linh hoạt bảo vệ các lợi ích cơ bản về an ninh quốc gia và phúc lợi công; Mỗi thành viên phải thành lập Ủy ban TPP để phối hợp thường xuyên cả về mặt thực thi hiệp định và đề ra các định hướng phát triển tiếp theo; TPP cũng đề nghị cho các nước APEC và một số quốc gia khác cơ hội tham gia hiệp định trong tương lai. Theo TS. Sơn, điều này có liên quan đến tình hình địa chính trị và có thể sẽ là nguyên nhân xoay chuyển hàng loạt mối quan hệ kinh tế, đặc biệt là mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Do đó, đây có thể là cơ hội, cũng có thể là thách thức cho Việt Nam; Thời gian dành cho thủ tục phê chuẩn hiệp định là 2 năm, TPP sẽ có hiệu lực sau khi hoàn tất thủ tục phê chuẩn 60 ngày. Do đó, TPP sẽ có hiệu lực thi hành chậm nhất vào đầu năm 2018. Điều kiện bắt buộc để hiệu lực hóa hiệp định là TPP phải được sự phê

chuẩn của ít nhất 6 thành viên ký kết ban đầu chiếm tối thiểu 85%GDP của toàn khối. Trong khi đó, Mỹ và Nhật cộng lại đã chiếm trên 85%GDP toàn khối. Do đó, nếu TPP không được thông qua ở Mỹ và Nhật thì hiệp định này sẽ không có hiệu lực. Điều này rất khó dự báo bởi tính phức tạp trong bối cảnh chính trị và cuộc bầu cử của Mỹ hiện nay. Tuy vậy, theo TS. Sơn, để đảm bảo lợi ích của người dân và doanh nghiệp, rất có thể Mỹ sẽ phê chuẩn hiệp định này, và hy vọng thời gian phê chuẩn không kéo dài hơn quy định ban đầu là 2 năm.

Dựa trên phân tích về chiến lược phát triển của Việt Nam và những điểm quan trọng của TPP, TS. Sơn chỉ ra các tác động của TPP đến kinh tế Việt Nam. Những tác động thuận lợi của TPP có thể kể đến là: Trong hoạt động xuất khẩu, các quốc gia sẽ dễ dàng tiếp cận thị trường các nước phát triển trong TPP như: Hoa Kỳ, Canada, Nhật, Úc, New Zealand từ đó sẽ kích thích gia tăng GDP bình quân đầu người của Việt Nam. Đặc biệt, chúng ta có thể tăng mạnh khối lượng xuất khẩu đến Hoa Kỳ trong vài năm tới. Hoa Kỳ thường là thị trường mục tiêu quan trọng nhất của các nước trên đường cất cánh trở thành nước công nghiệp mới. Tỷ trọng xuất khẩu sang Hoa Kỳ của Việt Nam hiện chỉ khoảng 20% trong tổng kim ngạch, cần phải gia tăng tỷ lệ này lên trên 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm thì mới tương xứng; Các ngành có khả năng hưởng lợi nhiều nhất là dệt may, giày thể thao do thuế quan trên các mặt hàng này sẽ được bãi bỏ ngay khi TPP có hiệu lực. Các sản phẩm cơ khí chế tạo, hàng gia dụng và thực phẩm chế biến cũng sẽ được xuất khẩu mạnh mẽ hơn do lộ trình cắt giảm thuế nhanh chóng. TS. Sơn lưu ý rằng, nông phẩm hiện chưa đáp ứng được các quy tắc xuất xứ của TPP nên nếu đẩy mạnh chế biến thực phẩm từ nông sản sẽ dễ dàng đáp ứng quy tắc xuất xứ và nhờ đó dễ xuất khẩu hơn; Về nhập khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận được nhiều nguồn hàng hóa, dịch vụ tốt, máy móc thiết bị hiện đại với giá rẻ hơn; Cơ hội về thu hút đầu tư cũng rất lớn. Dự kiến sẽ có làn sóng di chuyển sản xuất của các công ty đa quốc gia từ bên ngoài khu vực TPP (nhất là từ Trung Quốc) vào Việt Nam nhờ hàng rào thuế quan được dỡ bỏ. Do đó, có thể kỳ vọng vào các ngành sản xuất công nghệ cao, công nghệ phụ trợ cơ khí, ô tô và điện tử sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới nhờ vào vốn FDI. Chẳng hạn, Sam Sung đã tăng vốn đầu tư vào Khu công nghệ cao Quận 9, TPHCM lên gấp đôi sau khi TPP được ký kết. Thu hút vốn đầu tư gián tiếp FPI cũng có triển vọng tốt trong dài hạn (hiện tại cơ chế thị trường tài chính chưa đủ tốt để thu hút FPI trong ngắn hạn); TPP sẽ tạo động lực thúc đẩy cải cách kinh tế thể hiện ở các khía cạnh: đồng bộ hóa và hoàn thiện cơ chế thị trường kể cả thị trường tài chính phái sinh, cải cách hành chính và hoàn

thiện hệ thống pháp lý để tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, cải cách doanh nghiệp, giảm độc quyền và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

Bên cạnh các thuận lợi vừa nêu, TPP cũng đưa lại rất nhiều khó khăn và thách thức. Trong hoạt động xuất khẩu, hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn do các hàng rào kỹ thuật nghiêm ngặt hơn, thách thức lớn của qui tắc xuất xứ do đại bộ phận các yếu tố đầu vào hiện được nhập khẩu từ ngoài khối TPP, điển hình là hàng dệt may Việt Nam hiện nhập khẩu đến 70% nguyên phụ liệu trong đó 85% đến từ Trung Quốc; Các doanh nghiệp Việt Nam còn bị động trong chuỗi cung ứng toàn khối TPP cũng như toàn cầu. Trong hoạt động nhập khẩu, các doanh nghiệp đứng trước nguy cơ mất thị trường nội địa nhiều ngành hàng do mở cửa thị trường rộng rãi, nhất là đối với nông sản, thực phẩm chế biến, mua sắm hàng hóa công. Đồng thời, dự kiến chúng ta sẽ phải gia tăng nhập siêu các loại sản phẩm chưa có khả năng thay thế nhập khẩu, như: nguyên phụ liệu dệt may và da giày, hóa chất, dịch vụ logistics... Trong thu hút đầu tư, sẽ có các luồng đầu tư FDI không mong đợi từ những khu vực chưa phát triển cao về công nghệ, nhất là từ các doanh nghiệp Trung Quốc, không giúp đẩy nhanh được quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế. FPI cũng không đem lại nhiều hy vọng trong ngắn và trung hạn vì cơ chế quản lý và cơ sở hạ tầng của thị trường chứng khoán Việt Nam còn nhiều bất cập. Trong giám sát tài chính, các quốc gia đã áp dụng hệ thống Basel III trong khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa áp dụng vì còn e ngại nhiều khó khăn. Trong cải cách kinh tế, cải cách chính sách kinh tế chậm và thiếu đồng bộ, kém bền vững, việc thể chế hóa những cam kết hội nhập cũng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam còn trong nhóm thấp nhất khối TPP.

Với xuất phát điểm thấp, Việt Nam được dự báo sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ TPP. Ngay khi có hiệu lực, TPP có thể giúp Việt Nam tăng GDP từ 2 - 3%/năm so với trước đây và sẽ đạt 8%/năm vào năm 2035, thậm chí có thể đạt trên 10%. Các chỉ tiêu về xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu ngành có thể đạt được như chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam đã đề ra. Song, cũng phải tính đến tác động qua lại và hiệu ứng cộng hưởng của TPP với các định chế hội nhập kinh tế quốc tế khác như WTO, APEC, AEC, ACFTA³,... Tuy nhiên, TS. Sơn lưu ý cần có những nhận thức đúng đắn về tác động của TPP, chúng ta không nên quá lạc quan với những cơ hội và cũng không bi quan với những thách thức, khó khăn. Vấn đề là cần tìm ra đối sách thích hợp để tăng tính chủ động trong quá trình hội nhập TPP sắp tới, bao gồm các cải cách của chính phủ, các nỗ lực của doanh nghiệp và tạo sự chuyển biến trong nền kinh tế - xã hội.

³ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc

Về phía chính phủ, cần tích cực trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. TS. Sơn cho rằng cải cách giáo dục cần nỗ lực theo hướng hạn chế tình trạng thừa thầy thiếu thợ hiện tại. Việt Nam cần đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế (ngành, vùng, thành phần kinh tế, cơ cấu thị trường,...) để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và các doanh nghiệp. Chúng ta có thể tìm hiểu thêm 12 yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh quốc gia trong chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (The Global Competitiveness Index – CGI) của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) nhằm phát hiện những yếu tố mạnh để tiếp tục phát huy và các yếu tố còn yếu để khắc phục. Kiểm soát gọn lọc việc thu hút đầu tư đi đôi với bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, không thu hút những nguồn FDI có công nghệ thấp kém. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, đồng bộ hóa chính sách kinh tế với những cam kết hội nhập TPP. Cải cách hành chính đi đôi với chống tham nhũng mạnh mẽ, nâng cao bản lĩnh của đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế - xã hội. Chủ động tham gia bổ sung các luật chơi của TPP theo hướng có lợi cho Việt Nam.

Về phía các doanh nghiệp, cần tự nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, trước hết là để giữ vững thị phần trên sân nhà, rồi sau đó mở rộng kinh doanh ra thị trường khu vực. Điều kiện tiên quyết là tích cực đầu tư nâng cao quy mô lợi suất kinh tế, cải tiến công nghệ, điều chỉnh quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của các quốc gia thành viên. Đây là một điểm rất quan trọng để có thể xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ đến các quốc gia này. Các doanh nghiệp có thể phản ánh với Bộ Khoa học công nghệ về các quy chuẩn khắt khe của các nước để điều chỉnh hệ thống quy chuẩn trong nước cho phù hợp. Các doanh nghiệp cũng cần không ngừng nâng cao tay nghề và trình độ quản lý của lực lượng lao động. Mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài khi cần thiết nhằm khai thác tối đa những điều kiện mở cửa thị trường của TPP và hiệu ứng cộng hưởng của các định chế kinh tế quốc tế có liên quan để tăng tính chủ động trong chuỗi cung ứng toàn khối TPP và toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam. Thực tế, các doanh nghiệp nhà nước hiện nay dù quy mô rất lớn nhưng chưa tham gia được vào các chuỗi cung ứng toàn cầu do thiếu tính chủ động, tính hợp tác và nhiều hạn chế trong khả năng quản lý.

Để tạo sự chuyển biến trong nền kinh tế - xã hội, trách nhiệm của Ủy ban TPP là truyền thông đầy đủ về hội nhập đến mọi thành viên xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho công chúng tham gia đóng góp xây dựng các chuẩn mực, quy tắc thực hiện TPP. Công tác triển khai của chính phủ cần phải dành ưu tiên hỗ trợ thỏa đáng cho các thành phần sản xuất nhỏ, nhất là đối với các nông hộ. Qua đó mới có thể nâng cao được khả năng phát triển của thành phần kinh tế tư nhân và năng suất lao động của Việt Nam.

THẢO LUẬN

Mở đầu phần thảo luận, một khách mời nêu vấn đề rằng, các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam thường được sở hữu bởi các chủ nước ngoài, vậy khi gia nhập TPP, Việt Nam sẽ được gì khi xuất khẩu hàng dệt may không chịu thuế? TS. Sơn cho rằng, trước hết, các doanh nghiệp này hoạt động tại Việt Nam nên hoạt động sản xuất sẽ đóng góp vào GDP của Việt Nam, tạo việc làm cho người lao động Việt Nam và đóng thuế thu nhập cho Nhà nước Việt Nam. Hơn nữa, các doanh nghiệp dệt may phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của các doanh nghiệp chế tạo nguyên phụ liệu dệt may, và một lần nữa sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, việc làm cho Việt Nam. Bổ sung cho câu trả lời này, TS. Cao Xuân Dung⁴ chia sẻ rằng với sự phát triển của ngành may thì các ngành dệt, nhuộm cũng sẽ phát triển và kéo theo những kết quả về kinh tế và môi trường mà chúng ta cần dự tính để có các chính sách phù hợp.

Vấn đề về sự phát triển của ngành công nghiệp ô tô cũng được đưa ra thảo luận. Khách mời cho rằng, khả năng sản xuất ngành công nghiệp ô tô Việt Nam hiện còn yếu và người tiêu dùng Việt Nam thường ưa chuộng xe nhập khẩu hơn. Khi gia nhập TPP, thuế nhập khẩu được gỡ bỏ thì ngành ô tô Việt Nam có thể tồn tại được hay không? Theo TS. Sơn, nhiều ý kiến cho rằng ngành công nghiệp ô tô Việt Nam không có khả năng cạnh tranh với các quốc gia đã đi trước rất xa trong lĩnh vực này, trong khi các ngành nông nghiệp, dệt may, đóng giày có lợi thế cạnh tranh hơn. Do vậy nên tập trung đầu tư cho các ngành này thay vì đầu tư cho công nghiệp ô tô. Tuy nhiên, TS. Sơn cho rằng những ngành nông nghiệp, dệt may, da giày là các ngành thâm dụng tài nguyên, thâm dụng lao động nên giá trị gia tăng không cao. Chỉ có những ngành thâm dụng kỹ thuật, công nghệ như điện tử, ô tô thì mới có thể đem lại giá trị gia tăng cao. Ngành ô tô Việt Nam hiện nay chủ yếu mới chỉ tập trung vào hoạt động lắp ráp dựa trên nhập khẩu đồng bộ các bộ phận, linh kiện từ nước ngoài. Trong khi đó, thuế nhập khẩu ô tô hiện nay còn cao nên đã đẩy giá ô tô nhập khẩu nguyên chiếc lên rất cao. Điều đó chỉ có tác dụng bảo hộ cho ngành công nghiệp lắp ráp ô tô thì không thể nào sớm có ngành công nghiệp ô tô trưởng thành với tỷ lệ linh kiện chế tạo tại chỗ cao và giảm giá ô tô được. Nếu các chính sách phát triển ngành công nghiệp ô tô chuyển biến chậm thì thị trường nội địa sẽ bị mất vào tay các doanh nghiệp nước ngoài vì đến năm 2018 theo cam kết hội nhập AFTA, thuế nhập khẩu ô tô sẽ giảm

⁴ Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, Trường Đại học Mở TPHCM - người phụ trách chính về nội dung của Chương trình “Thăng tìm hiểu Việt Nam trong TPP”

về 0, các hãng ô tô không được khuyến khích ở Việt Nam thì họ sẽ phát triển ở với nước thành viên ASEAN khác (như Thái Lan, Indonesia) rồi xuất khẩu qua Việt Nam. Do đó, về mặt chính sách, Việt Nam cần phải khuyến khích thu hút đầu tư mạnh mẽ vào các ngành công nghiệp phụ trợ thì Việt Nam có thể sản xuất được các linh kiện với chi phí rẻ hơn và thu hút đầu tư trực tiếp vào sản xuất ô tô tại Việt Nam. Nói rộng ra, chính sách công nghiệp cần thiết hiện nay là thúc đẩy phát triển mạnh mẽ công nghiệp phụ trợ cho các ngành ô tô, điện tử, dệt may,... để biến các ngành này thành công nghiệp mũi nhọn và đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Mặt khác, theo thông lệ phát triển kinh tế thị trường, nhà nước chỉ nên đánh thuế gián thu thấp để giảm giá sản phẩm, khuyến khích tiêu dùng, kích cầu cho nền kinh tế. Khi đó sản xuất nhất định phát triển tương ứng để tăng cung, kinh tế phát triển mạnh mẽ, GDP tăng, thu nhập đầu người tăng, lại tăng cầu để thúc đẩy sản xuất phát triển,... và nhà nước sẽ tăng thu ngân sách qua thuế trực thu chứ không phải thuế gián thu. Trở lại vấn đề của ngành ô tô, theo TS. Sơn, để phát triển mạnh ngành ô tô thì cần phải có trên dưới 2000 doanh nghiệp chế tạo thuộc công nghiệp phụ trợ trong khi Việt Nam hiện chỉ có khoảng vài chục doanh nghiệp phụ trợ. Với sự gia nhập TPP, chúng ta có thể hy vọng thu hút đầu tư FDI vào công nghiệp phụ trợ và thúc đẩy ngành công nghiệp ô tô Việt Nam phát triển hơn, giá ô tô sẽ giảm mạnh. Có cơ sở để kỳ vọng như thế khi các doanh nghiệp ô tô nước ngoài nhận thấy tiềm năng của thị trường ô tô Việt Nam sẽ tăng lên mạnh nếu giá xe giảm xuống, họ sẽ tham gia đầu tư vào ngành ô tô, phụ trợ ô tô trong nước để không những thay thế được ô tô nhập khẩu (do kiến thức của người tiêu dùng được nâng cao, các sản phẩm ô tô được thiết kế phù hợp với điều kiện Việt Nam sẽ được ưa chuộng hơn các sản phẩm nhập khẩu vốn được thiết kế chỉ phù hợp với điều kiện địa hình, thời tiết của các quốc gia khác) mà còn có thể đẩy mạnh xuất khẩu được cả ô tô trong tương lai.

Một sinh viên Trường Đại học Văn Hiến chia sẻ mối quan tâm của mình về việc làm trong tương lai. Khoảng 2 năm nữa khi TPP có hiệu lực, các sinh viên hiện nay sẽ trở thành những người lao động. Vậy, sinh viên cần chuẩn bị những gì để tham gia thị trường lao động trong thời gian tới? Theo TS. Sơn, chính phủ cần cải thiện môi trường để khai thác hết tiềm năng của TPP và tăng tính chủ động của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng cần tự nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ, đảm bảo các vấn đề quy tắc xuất xứ để tăng khả năng cạnh tranh. Hội nhập TPP đúng hướng sẽ tạo cơ hội cho phát triển các doanh nghiệp, qua đó gia tăng số lượng việc làm. Với các cá nhân là sinh viên hay người lao động, để chuẩn bị cho quá trình này, người lao động bên cạnh được đào tạo và tự đào tạo về kiến thức, cần tự trang bị thêm về ngoại ngữ, tin học

và các kỹ năng mềm liên quan đến ngành nghề của mình để đáp ứng được tiêu chuẩn về nhân sự của các công ty đa quốc gia vì dự kiến các công ty này sẽ gia tăng đầu tư vào Việt Nam sau khi gia nhập TPP. Đồng thời, các bạn trẻ có thể tích lũy dần kinh nghiệm và kỹ năng để tự phát triển bản thân khi làm việc ở các doanh nghiệp nhỏ và chuyển dần đến các doanh nghiệp lớn hoặc xây dựng sự nghiệp riêng của bản thân. Khi có đủ kiến thức, sinh viên hay người lao động cũng có thể tham gia đóng góp vào những quy định trong TPP hay các chính sách hỗ trợ của nhà nước.



Hình 2: Khung cảnh buổi tọa đàm

Cũng trong chủ đề này, một khách mời đặt câu hỏi rằng khi gia nhập TPP, năng lực cạnh tranh của lao động Việt Nam có thể còn thấp so với lao động các nước, như vậy lao động Việt Nam có phải luôn ở vị trí làm thuê cho các doanh nghiệp nước ngoài? Theo TS. Sơn, không chỉ TPP mà AEC đã có hiệu lực sẽ tạo ra một dòng luân chuyển lao động từ các quốc gia đến Việt Nam. Chính sách nhân sự của các công ty đa quốc gia hiện nay phần lớn đều áp dụng chính sách tuyển dụng, bố trí công việc và mức lương không phân biệt quốc tịch mà phân biệt theo năng lực. Các công ty này cũng có xu hướng tận dụng nguồn lao động địa phương, khi lao động địa phương không đáp ứng được yêu cầu của vị trí nhân lực chất lượng cao, doanh nghiệp mới phải điều động nhân sự từ quốc gia khác. Một ví dụ cho vấn đề này là Intel Việt Nam có kế hoạch mở rộng hoạt động và nhu cầu tuyển dụng khoảng vài ngàn lao động có kỹ năng nhưng vì không thể tìm đủ người đáp ứng tốt tiêu chuẩn nghề nghiệp và đảm bảo sự trung thành với doanh nghiệp nên kế hoạch mở rộng này đã bị chậm trễ. Nếu nhận biết được khả năng cạnh tranh thấp, người lao động

Việt Nam cần tự học hỏi, nâng cao năng lực của mình để tận dụng các cơ hội việc làm do TPP đem lại. Bên cạnh đó, người lao động cần lưu ý đến văn hóa ứng xử trong công việc, đảm bảo sự trung thành ở mức độ nào đó, sau khi được đào tạo tại các công ty quốc tế thì cần đảm bảo thời gian làm việc để bù đắp chi phí đào tạo của công ty. Góp phần vào giải đáp cho những băn khoăn của sinh viên về việc làm và khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong tương lai, PGS.TS. Lê Bảo Lâm⁵ chia sẻ: Trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay, trước mắt là AEC và sau này là TPP, có thể nhận thấy rằng khả năng cạnh tranh của quốc gia và lao động Việt Nam còn thấp so với các quốc gia thành viên khác. Một trong những trở ngại lớn của hội nhập là thể chế quá cứng nhắc, quản lý phân cắt theo từng địa phương, vùng miền và kém minh bạch, thiếu hiệu quả. Về giáo dục, giáo dục cần phải là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế chứ không thể chỉ đi sau, chạy theo trình độ phát triển kinh tế như hiện nay. Chương trình giáo dục hiện còn bị bó buộc bởi các giới hạn của Bộ nên khó thay đổi theo hướng hội nhập để đảm bảo các tiêu chuẩn giáo dục quốc tế. Thế hệ trẻ hiện nay cần tự tìm hiểu các thông tin, tự đào tạo bên cạnh kiến thức từ nhà trường để trở thành những người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng của các doanh nghiệp đa quốc gia. Tiêu chí mà PGS.TS. Lâm đưa ra cho các sinh viên đó là Năng động cộng Ngoại ngữ. Về khái niệm “làm thuê”, lưu ý rằng làm thuê cũng có nhiều cấp bậc, làm thuê ở vị trí cấp cao hay cấp thấp sẽ phụ thuộc vào sự nỗ lực và trình độ của người lao động đạt được trong tương lai. Điều cần thiết hiện nay là cách thức chúng ta ứng xử để có thể tận dụng được các cơ hội khi được tiếp xúc với nền kinh tế lớn và chuẩn bị để đương đầu với những thách thức của hội nhập khi phải cạnh tranh với những người lao động có chất lượng cao hơn từ các quốc gia phát triển. Người lao động Việt Nam cần chuẩn bị tinh thần là sẽ phải làm việc cật lực hơn, không thể thong thả như các thế hệ hiện tại.

Thứ sáu, ngày 03 tháng 03 năm 2016

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy

⁵ Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Mở TPHCM